CÔNG TY TNHH …..................

Địa chỉ: …..

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 01/2022

給与計算表　2022年01月

Chu kỳ lương（給与周期）	01/2022	(01/01/2022 - 31/01/2022)
Số giờ quy định（所定勤務時間）	8	giờ/ngày（時間／日）
Số ngày quy định（所定勤務日数）	5	ngày/tuần（日／週）
Lương tối thiểu vùng（法定最低賃金）	4,420,000	VND - Vùng I（エリアI）
Mức lương cơ sở（法定公務員賃金）	1,490,000	VND

ご利用いただくにはパスワードが必要です。

ライブラリ会員のお客様は、
「資料ダウンロード」から
パスワードを入力ください。

パスワードをお持ちでない方は、ぜひ
「お問合せ」よりお申込みください。

STT No.	Mã số nhân viên 社員コード	Họ và Tên 氏名	Bộ phận 部門	Chức vụ 職位	MST TNCN 税コード	Lương cơ bản theo hợp đồng (NET) 契約上のネット基本給	Phụ cấp, trợ cấp và các kho… 各手当及びその他の… / Chịu Thuế TNCN 課税対象 / Trách nhiệm 責任手当	Ngoại ngữ 外国語手当	Điệ…								Ngày thường 平日 (h)	Ngà… thườ… 休… (h)															Tổng số tiền còn phải chi 支給総額 (NET)							Cộng 小計 (VND)														Cộng 小計
I	Lao động Việt Nam (ベトナム人従業員の給与)																																																					
1								500,000									3.00										-						12,815,000							11,000,000														1,320,900
2								500,000									-										-						18,080,000							15,400,000														1,898,400
								1,000,000									3.00										-						30,895,000							26,400,000														3,219,300
II																																																						
3								-									-										-						77,080,000							11,000,000														2,831,000
						75,000,000	1,500,000	-	350,000	730,000	77,080,000	21.0	21.0	77,080,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	77,080,000	-	-	-	77,080,000	1,950	44,850,000	121,930,000	11,000,000	-	-	11,000,000	1,080,000	109,850,000	153,846,154	10,000,000	24,726,923	119,850,000	169,230,769	49,380,769	180,230,769	77,080,000	2,384,000	447,000	-	2,831,000
TỔNG CỘNG/ 合計:						100,000,000	4,000,000	1,000,000	1,050,000	2,190,000	107,740,000	63.0	62.0	107,140,952	2.50	148,810	3.00	3.00	2.00	476,190	505,952	-	-	-	-	-	-	-	107,974,286	-	-	714	107,975,000	1,950	44,850,000	152,824,286	33,000,000	1	4,400,000	37,400,000	3,745,952	111,678,333	155,770,715	15,000,000	26,412,976	123,364,386	172,930,123	49,565,737	210,330,123	107,740,000	4,836,800	906,900	306,600	6,050,300
BHXH:																																																						

..........................., *ngày .... tháng ..... năm 20......*

CÔNG TY TNHH …..................

…......................

Giám đốc